

Số: 26/2019/QĐ-UBND

An Giang, ngày 19 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, bảo đảm an toàn đập của hồ chứa nước và các hoạt động quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên môi trường hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ, về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ, về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Thông tư số 34/2010/TT-BCT ngày 07 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập của công trình thủy điện;

Căn cứ Thông tư số 03/2012/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định việc quản lý, sử dụng đất vùng bán ngập lòng hồ thủy điện, thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BGTVT ngày 08 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41/2016/BGTVT;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 195/TTr-SNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, bảo đảm an toàn đập hồ chứa nước và các hoạt động quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên môi trường hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 07 tháng 8 năm 2019 và thay thế Quyết định số 100/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy chế quản lý, bảo đảm an toàn đập hồ chứa nước và các hoạt động quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên môi trường hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Tổng Cục Thủy lợi;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo, đài PTTH An Giang;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Anh Thư

QUY CHẾ

**Quản lý, bảo đảm an toàn đập của hồ chứa nước
và các hoạt động quản lý, khai thác tổng hợp tài nguyên môi trường
hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh An Giang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm
2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này áp dụng đối với việc quản lý, bảo đảm an toàn đập của hồ chứa nước và các hoạt động quản lý, khai thác tổng hợp tài nguyên môi trường hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong và ngoài nước có các hoạt động liên quan đến việc quản lý, bảo đảm an toàn đập của hồ chứa nước và các hoạt động quản lý, khai thác tổng hợp tài nguyên môi trường hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Phân loại công trình đập hồ chứa

1. Đập là công trình làm nhiệm vụ ngăn nước và các công trình có liên quan, tạo hồ chứa nước nhằm thực hiện các mục đích sau đây:

a) Tích trữ nước, cung cấp nước cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu dùng nước.

b) Điều tiết hoặc phân chia dòng chảy lũ, giảm ngập lụt cho vùng hạ du.

2. Phân loại công trình đập được áp dụng tại Tiết 1 và 2 Khoản 6 Điều 3 Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, ban hành quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công trình đập* áp dụng tại Khoản 6 Điều 3 Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 14/11/2018.

2. *Chủ sở hữu đập* áp dụng tại Khoản 6 Điều 2 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ, về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

3. *Đập chính* là công trình chắn ngang dòng chảy của sông suối hoặc ngăn những vùng thấp để giữ nước và nâng cao mực nước hình thành hồ chứa nước.

4. *Đập tràn* là công trình ngăn một dòng không áp làm cho dòng đó chảy tràn qua đỉnh gọi là đập tràn.



5. *Kiểm định an toàn đập* áp dụng tại Khoản 11 Điều 2 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018.

6. *Đảm bảo an toàn đập* là bảo đảm an toàn cho bản thân công trình đập, hồ chứa nước và đảm bảo an toàn về người, tài sản vùng lòng hồ và vùng hạ du hồ chứa nước.

7. *Lập hành lang bảo vệ đập, hồ chứa nước* là công việc cắm cọc mốc trên cạn hoặc dưới nước để xác định phạm vi vùng bảo vệ hồ, phạm vi bảo vệ nguồn nước hồ chứa, phạm vi vùng bán ngập; phạm vi khu vực nguy hiểm, phạm vi bảo vệ các công trình đập, tràn xả lũ, công trình khác có liên quan và cắm các biển cảnh báo nguy hiểm, biển báo hạn chế tải trọng đối với đập kết hợp giao thông theo quy định của pháp luật.

8. *Vùng lòng hồ chứa nước* là vùng tích nước của hồ chứa nước kể từ mực nước lớn nhất kiểm tra trở xuống.

9. *Vùng bảo vệ hồ chứa* là vùng được tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập trở xuống phía lòng hồ.

10. *Hồ do dân tự tạo* là các hồ ao do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự đầu tư đắp đập chắn ngang khe suối.

11. *Phạm vi bảo vệ công trình và hành lang bảo vệ công trình* được hiểu theo Khoản 7 Điều 3 Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

12. *Vùng hạ du đập* áp dụng tại Khoản 9 Điều 2 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018.

13. *Đất vùng bán ngập* được hiểu theo Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 03/2012/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý, sử dụng đất vùng bán ngập lòng hồ thủy điện, thủy lợi.

14. *Quan trắc* là điều tra các số liệu như: lún, chuyển vị, cao độ mực nước, thấm, diện tích vùng thấm, lưu lượng thấm.

15. *Mực nước chết* là mực nước khai thác thấp nhất của hồ chứa mà ở mực nước này công trình vẫn đảm bảo khai thác vận hành bình thường.

16. *Mực nước dâng bình thường* là mực nước hồ cần phải đạt được ở cuối chu kỳ tích nước để đảm bảo cung cấp đủ nước theo mức đảm bảo thiết kế.

17. *Mực nước lớn nhất thiết kế* là mực nước cao nhất xuất hiện trong hồ chứa khi trên lưu vực xảy ra lũ thiết kế.

18. *Các công trình có liên quan đến hồ chứa nước*, gồm: công trình lấy nước, công trình tháo nước, công trình xả lũ.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý an toàn đập và khai thác tổng hợp tài nguyên, môi trường các hồ chứa nước.

Áp dụng tại Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 4 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018.

Chương II

QUẢN LÝ, BẢO VỆ AN TOÀN ĐẬP HỒ CHỨA NƯỚC

Điều 5. Quản lý an toàn đập hồ chứa nước trong việc đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp đập

1. Việc xây dựng hoặc sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước thủy lợi, phải có thiết kế phù hợp với quy hoạch, tuân thủ theo quy định của pháp luật về xây dựng. Quá trình thiết kế, thẩm định và thi công đập ngoài việc phải tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, các quy định về quản lý chất lượng xây dựng công trình còn phải đảm bảo các quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định về an toàn đập.

2. Đập do Nhà nước, doanh nghiệp đầu tư hoặc các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước tham gia xây dựng chỉ được nghiệm thu để đưa vào khai thác, sử dụng sau khi được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Các hồ sơ kỹ thuật giai đoạn xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo đập phải được chủ đầu tư lưu trữ đầy đủ và sao gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

Điều 6. Lập hành lang bảo vệ đập hồ chứa nước

1. Phạm vi bảo vệ: Áp dụng tại Khoản 1, 2, 3 và 4, Điều 21 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018.

2. Phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước: Áp dụng tại Khoản 2, Điều 23, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018.

3. Hành lang bảo vệ nguồn nước

a) Nguyên tắc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước: Áp dụng tại Khoản 1, 2, 3 và 4, Điều 5 Nghị định 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hàng lang bảo vệ nguồn nước.

b) Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước: Áp dụng tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hàng lang bảo vệ nguồn nước.

4. Trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình: Áp dụng tại Khoản 4, Điều 23 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018.

5. Quy cách cấm mốc

a) Việc cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi áp dụng tại Điều 43 Luật Thủy lợi; Điều 18 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018.

Cấm mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi quan trọng quốc gia kể từ chân đập chính trở ra là 500 m;

Trong phạm vi nêu trên, vùng phụ cận được chia hai phần: phần không được xâm phạm kể từ chân đập chính trở ra là 150 m; phần còn lại được sử dụng cho các hoạt động không gây mất an toàn đập.

b) Đối với phạm vi bảo vệ đập, đường tràn xả lũ và các công trình liên quan nằm trên cạn tại các vị trí đỉnh của diện tích phạm vi bảo vệ công trình theo quy định pháp luật về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

c) Quy cách biển báo giới hạn tải trọng, biển báo giao thông trên mặt đập theo tiêu chuẩn thiết kế của đập và Thông tư số 06/2016/TT-BGTVT ngày 08 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41/2016/BGTVT. Riêng đối với đập đất cũ, không xác định được tiêu chuẩn thiết kế thì tùy theo chất lượng của đập để hạn chế phương tiện, đảm bảo không bị lún mặt đập nhưng tải trọng tối đa không quá 10 tấn.

Điều 7. Lưu trữ hồ sơ công trình

1. Lưu trữ hồ sơ công trình

a) Hồ sơ phải được lưu trữ theo quy định tại Điều 9 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018; Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng xây dựng công trình xây dựng và Điều 33 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. Thời gian lưu trữ hồ sơ theo Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

b) Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác đập, hồ khi tiếp nhận hồ sơ kỹ thuật giai đoạn xây dựng phải thực hiện việc kiểm tra, rà soát, đối chiếu với thực tế, để có bộ hồ sơ đầy đủ, chính xác và rõ ràng; thực hiện việc sắp xếp, lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định.

c) Trong quá trình quản lý đập, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác đập phải bổ sung vào hồ sơ lưu trữ các tài liệu về quan trắc, kiểm tra, kiểm định an toàn đập, hồ sơ kỹ thuật sửa chữa đại tu đập và các văn bản quyết định hành chính có liên quan.

2. Các loại hồ sơ cần lưu trữ bao gồm:

- Quy hoạch, kế hoạch khai thác dòng chảy trong vùng, lưu vực có liên quan đến đập;

- Dự án đầu tư;

- Thiết kế các giai đoạn;

- Quản lý thi công, nghiệm thu bàn giao công trình;

- Hoàn công;

- Các qui trình vận hành, bảo trì, bảo dưỡng;

- Kế hoạch sẵn sàng trong trường hợp khẩn cấp;

- Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác quản lý, khai thác, bảo vệ công trình (bao gồm các tài liệu quan trắc khí tượng thủy văn, quan trắc công trình, các sự cố, hư hỏng và biện pháp khắc phục, tình hình tài chính, nhân lực..);

- Các lần kiểm tra kiểm định công trình;

- Các lần khảo sát, thiết kế, xây dựng sửa chữa, nâng cấp công trình.

Đối với các đập do tỉnh quản lý thì hồ sơ lưu trữ do tổ chức, cá nhân khai thác đập và Chi cục Thủy lợi quản lý mỗi nơi một bộ.

3. Hồ sơ hoàn thành công trình, quản lý vận hành công trình

a) Khi xây dựng hoàn thành công trình đập hồ chứa, cơ quan, đơn vị làm chủ đầu tư công trình phải bàn giao tất cả hồ sơ công trình cho tổ chức, cá nhân được cấp thẩm quyền giao trực tiếp quản lý, vận hành công trình, bao gồm danh mục thành phần hồ sơ hoàn thành công trình được xác định theo Phụ lục số III Điều 12 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng;

Ngoài ra, cơ quan, đơn vị làm chủ đầu tư công trình đập hồ chứa xác định những vị trí có vấn đề và được xử lý trong quá trình thi công, để thông báo cho tổ chức, cá nhân được giao quản lý.

b) Đối với công trình đập hồ chứa đã đưa vào sử dụng từ trước mà không có bản vẽ hoàn công, quy trình duy tu bảo dưỡng và quy trình quản lý, vận hành khai thác thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư tổ chức khôi phục, đo vẽ lại và xây dựng quy trình bảo trì và quy trình quản lý, vận hành khai thác.

c) Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ có trách nhiệm lưu trữ và bảo quản các bản vẽ, hồ sơ nêu tại Khoản 2 Điều này và có trách nhiệm cung cấp cho đơn vị bảo trì khi có yêu cầu.

Điều 8. Quản lý vận hành điều tiết nước của hồ chứa

1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm vận hành điều tiết nước hồ chứa và phải thực hiện đúng quy trình vận hành hồ chứa hoặc liên hồ chứa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các quy định về điều tiết nước sau đây để đảm bảo an toàn đập, hồ chứa:

a) Thực hiện vận hành xả lưu lượng tối thiểu đúng quy trình được cấp thẩm quyền phê duyệt trong suốt thời gian khai thác hồ chứa. Trường hợp lưu lượng nước đến thấp hơn lưu lượng tối thiểu thì được điều chỉnh giảm lưu lượng xả nhưng phải báo với các sở ngành liên quan.

b) Thông báo bằng văn bản về chế độ vận hành điều tiết nước trong điều kiện bình thường theo quy trình vận hành ngay sau khi quy trình được cấp thẩm quyền phê duyệt cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các cấp, Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, cấp

huyện, cấp xã lân cận vùng hồ và hạ du. Trong thông báo phải nêu rõ dao động mực nước hồ, lưu lượng xả, dao động mực nước sông suối hạ du hồ ứng với các chế độ vận hành và những vấn đề cần cảnh báo nguy hiểm để Nhân dân biết phòng tránh thiệt hại.

c) Trước khi vận hành công trình xả lũ khẩn cấp bảo vệ đập, tài sản và tính mạng người dân phải thông báo bằng văn bản cho các cơ quan gồm: Cơ quan phê duyệt quy trình vận hành; Ban Chỉ đạo Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh An Giang, Chi cục Thủy lợi), Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài khí tượng thủy văn tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình, Ban Chỉ huy Ứng phó biến đổi khí hậu- Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn có liên quan. Trường hợp có thông báo dự kiến xả lũ nhưng không thực hiện xả lũ do không xuất hiện yếu tố thời tiết nguy hiểm phải có thông báo kịp thời hủy thông báo trước đó. Các cơ quan nhận thông báo tùy theo nhiệm vụ của mình có trách nhiệm chỉ đạo cảnh báo cho Nhân dân vùng có nguy cơ ngập lụt chủ động ứng phó.

d) Nghiên cứu phương án vận hành điều tiết nước tối ưu nhằm tiết kiệm nước trong điều kiện hạn kiệt, giảm lũ lụt cho vùng hạ du để trình cấp thẩm quyền điều chỉnh quy trình vận hành.

đ) Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du và lắp đặt các thiết bị cảnh báo tự động cho khu vực đập hồ chứa để quản lý tốt theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

e) Tham gia đoàn kiểm tra liên ngành do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì để đánh giá mức độ thiệt hại liên quan đến xả lũ hồ chứa hoặc liên hồ chứa ở khu vực hạ du để kịp thời có biện pháp hỗ trợ Nhân dân vùng bị ảnh hưởng ngập lụt khắc phục thiệt hại khẩn cấp. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác vận hành sai quy trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt để xảy ra sự cố vỡ đập thì phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do xả lũ gây ra.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước phục vụ cộng đồng có trách nhiệm tổ chức vận hành, điều tiết nước đảm bảo các yêu cầu chủ yếu sau:

a) Vận hành điều tiết nước phải đảm bảo đúng yêu cầu từng nhiệm vụ, tiết kiệm nước và đạt hiệu quả cao nhất.

b) Thường xuyên kiểm tra tuyến tràn xả lũ đảm bảo luôn thông thoáng, không ách tắc dòng chảy; tổ chức lực lượng trực canh việc xả lũ trong mùa mưa lũ, sẵn sàng ứng phó với tình huống nước tràn qua thân đập hoặc mất an toàn đập.

c) Việc tháo cạn đột xuất hồ thủy lợi phải có sự đồng ý bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở ngành có liên quan.

4. Quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình phải được thể hiện rõ ràng và đầy đủ các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, quy mô công trình, các hạng mục công trình;
- Phạm vi và vị trí các mốc biên công trình;
- Mục tiêu quản lý bảo vệ của công trình;
- Thời gian, phạm vi, vị trí, quy trình kiểm tra, đo đạc đỉnh đập, đập tràn, thân đập.

5. Kế hoạch phòng ngừa ứng cứu khi xảy ra tình trạng khẩn cấp, cơ quan quản lý đập thực hiện các công việc sau:

a) Báo cáo diễn biến về an toàn đập

Cán bộ giám sát sau khi xác định điều kiện khẩn cấp xảy ra cần phải báo cáo ngay lập tức cho giám đốc và trưởng đơn vị quản lý vận hành đập. Sau đó lập một báo cáo diễn biến về an toàn đập để lưu lại. Báo cáo này cần bao gồm những thông tin sau đây:

- Ngày giờ;
- Tên nhân sự giám sát;
- Vị trí xảy ra sự cố về an toàn đập;
- Mô tả ngắn gọn về tình huống xảy ra;
- Những công tác khẩn cấp để sửa chữa hoặc giảm thiểu nguy hiểm;
- Dự báo khả năng phát triển và các nguy cơ có thể xảy ra, dự báo thời gian xảy ra vỡ đập hoặc phải xả lũ tối đa qua tràn;
- Mức nước trong hồ chứa và mức nước cuối hạ lưu tại thời điểm xảy ra sự cố;
- Dự báo thời tiết tại và sau thời điểm đó;
- Lưu lượng xả lũ hiện tại và lưu lượng xả cao nhất dự báo;
- Các thông tin cần thiết khác.

b) Đánh giá tình hình

Thủ trưởng cơ quan quản lý đập căn cứ vào diễn biến tình hình thực tế, đối chiếu với bảng phân cấp mức độ khẩn cấp để xác định mức độ nguy hiểm và cấp báo động.

c) Lập, duyệt và thực hiện phương án sửa chữa khẩn cấp

Khi sự cố xảy ra, cần phải ngay lập tức thực hiện những biện pháp cứu hộ đã dự kiến trong kế hoạch chuẩn bị, đồng thời căn cứ vào tình hình sự cố để lập phương án khắc phục, cố gắng hết sức để có thể giảm thiểu khả năng xảy ra hiện tượng vỡ đập hoặc ít nhất là làm chậm lại quá trình này để người dân ở hạ lưu đập có thể được thông báo và sơ tán. Trước hết cần huy động lực lượng tại chỗ, các loại vật liệu, thiết bị đã có sẵn đập để có thể nhanh chóng thực hiện các hoạt động sửa chữa. Ở mức độ nguy hiểm cao hơn, cần huy động các lực lượng ứng cứu bên ngoài.

d) Liên lạc khẩn cấp

Thủ trưởng cơ quan quản lý đập sẽ hỗ trợ Trưởng ban Ban Chỉ đạo Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh trong việc thông tin liên lạc để báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền quyết định huy động lực lượng cần thiết cho công tác cứu hộ đập. Đồng thời chủ sở hữu đập cũng phân bộ phận trực vận hành liên hệ thường xuyên với trung tâm khí tượng thủy văn để cập nhật tình hình mưa lũ, dự báo diễn biến để có kế hoạch ứng phó kịp thời. Ngoài ra, giám đốc thông qua bộ phận giúp việc liên lạc chặt chẽ và thường xuyên với cán bộ vận hành và bảo trì các bộ phận của đập để nắm tình hình.

đ) Điều chỉnh quy trình vận hành hồ và các cửa van

Khi xảy ra tình huống khẩn cấp, bộ phận vận hành đập sẽ tính toán dự báo lũ và điều tiết lũ khẩn cấp để lập điều chỉnh quy trình vận hành hồ và cửa van tràn để đối phó với tình hình khẩn cấp. Giám đốc cơ quan quản lý đập duyệt và cho thực thi quy trình. Việc giám sát mực nước trong hồ chứa và thực hiện vận hành tràn theo quy trình cần được thực hiện hàng ngày thậm chí hàng giờ và kết quả được báo cáo ngay cho giám đốc để xem xét và đưa các quyết định và hướng dẫn khẩn cấp.

e) Lực lượng cứu hộ

Khi sự cố diễn biến phức tạp, tổ chức, cá nhân khai thác không đủ lực lượng để khắc phục, Trưởng Ban Chỉ đạo Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh sẽ quyết định huy động các lực lượng cứu hộ từ bên ngoài theo kế hoạch. Tổ chức, cá nhân khai thác sẽ cử cán bộ hướng dẫn các lực lượng cứu hộ đến hỗ trợ thực hiện các công việc theo phương án ứng cứu đã được lập, đảm bảo cho việc ứng cứu đạt kết quả tốt nhất.

g) Công tác bảo vệ

Lực lượng bảo vệ của tổ chức, cá nhân khai thác phối hợp với lực lượng công an hỗ trợ đảm bảo tốt công tác bảo vệ công trình, tài sản, các phương tiện vật tư thiết bị và con người trong bất kỳ tình huống nào.

h) Công tác sơ tán

Khi có báo động, tổ chức, cá nhân khai thác phải thực hiện công tác chuẩn bị và sơ tán cho bản thân mình (những bộ phận nằm trong vùng bị ngập) và hỗ trợ sơ tán dân cư ở khu vực sát ngay hạ lưu đập.

Điều 9. Nội dung quản lý khai thác công trình

1. Lập Quy trình bảo trì công trình

Nội dung quy trình bảo trì được quy định tại Chương V Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ; Điều 8 Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong đó nêu rõ quy trình bảo trì công trình được lập bảo đảm bao quát toàn bộ các bộ phận công trình. Đối với đập, cần căn cứ vào quy mô

(cấp của đập), tầm quan trọng của đập và khu vực hạ du, quy định tại Điều 5 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ cho phù hợp với các đặc thù riêng của đập, cần lưu ý các nội dung sau:

a) Quy định các thông số kỹ thuật, công nghệ, xử lý kết quả quan trắc khi công trình có yêu cầu thực hiện quan trắc: hồ và đập có yêu cầu quan trắc nhiều yếu tố, quy trình cần căn cứ vào quy mô, đặc điểm và tầm quan trọng của hồ đập để nêu rõ các yếu tố cần quan trắc, quy trình thực hiện việc quan trắc, phương pháp phân tích, xử lý số liệu và tiêu chuẩn đánh giá tình trạng công trình thông qua kết quả quan trắc.

b) Quy định đối tượng, phương pháp và tần suất kiểm tra công trình: Quy trình phải quy định rõ những hạng mục, kết cấu, bộ phận công trình cần kiểm tra, phương pháp và phương tiện kiểm tra (bằng mắt thường, bằng máy móc, thiết bị), hình thức kiểm tra (thường xuyên, định kỳ, đột xuất), tần suất kiểm tra (số lần trong tháng, quý, năm, thời điểm kiểm tra định kỳ, đột xuất).

Đối tượng kiểm tra nên tập trung vào các bộ phận, kết cấu công trình dễ bị hư hỏng do tác động của các yếu tố tự nhiên và con người.

Việc quy định tần suất kiểm tra đập cần căn cứ vào quy mô và đặc điểm của đập trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Điều 16 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018.

2. Quy trình duy tu bảo dưỡng phải được thể hiện rõ ràng và đầy đủ các nội dung

a) Nêu rõ nội dung bảo dưỡng từng hạng mục công trình đất đá, xây đúc, các kết cấu kim loại, các thiết bị lắp đặt vào công trình, đường giao thông, hệ thống thông tin liên lạc vv...bao gồm việc theo dõi, chăm sóc, sửa chữa những hư hỏng nhỏ, duy tu các thiết bị đã được lắp đặt ở công trình và các thiết bị phục vụ công tác quản lý vận hành khác (thiết bị điều khiển cửa van, thiết bị quan trắc đo đạc, thông tin liên lạc...);

b) Đưa ra các chỉ dẫn cụ thể để thực hiện các công việc trên cho từng hạng mục, kết cấu công trình, thiết bị;

c) Nêu rõ tần suất bảo dưỡng từng hạng mục, kết cấu công trình, thiết bị, được tiến hành thường xuyên hay định kỳ sau thời gian bao lâu để duy trì công trình và thiết bị ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế việc phát sinh các sự cố hoặc các hư hỏng, xuống cấp;

d) Xác định thời điểm, đối tượng và nội dung cần kiểm định: Đối với đập cần tuân thủ quy định tại Điều 18 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018;

đ) Quy định thời điểm và chỉ dẫn thay thế định kỳ các thiết bị lắp đặt vào công trình: Đối với các kết cấu kim loại, căn cứ vào đặc điểm, độ bền kết cấu, điều kiện môi trường và chỉ tiêu thiết kế để quy định (ví dụ, cửa van thép sau bao nhiêu năm được sửa chữa, thay thế). Đối với các thiết bị lắp đặt, căn cứ vào quy định của nhà sản xuất;

e) Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa các hư hỏng nhỏ của công trình, xử lý các trường hợp công trình bị xuống cấp, qui định các điều kiện nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện bảo trì công trình;

g) Nguồn kinh phí duy tu bảo dưỡng sử dụng từ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành tại Khoản 2 Điều 30 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018.

3. Công tác kiểm tra và quan trắc bảo vệ công trình:

a) Quan trắc:

Đối với các đập nhỏ, thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 114/2008/NĐ-CP ngày 4/9/2018.

Sau khi tiếp nhận bàn giao để quản lý, đơn vị quản lý phải tổ chức đo đạc, quan trắc hoặc hợp đồng với các đơn vị chuyên ngành thực hiện đo đạc quan trắc, thu thập các yếu tố khí tượng, thủy văn trên lưu vực hồ chứa, các diễn biến về thấm, rò rỉ nước qua thân đập, nền đập, vai đập, chuyển vị của đập, diễn biến nứt nẻ, sạt trượt tại thân, nền và phạm vi lân cận công trình, tình trạng bồi lắng của hồ chứa;

Các tài liệu quan trắc, đo đạc phải được hiệu chỉnh, hệ thống hoá, phân tích, đánh giá, so sánh với số liệu thiết kế dự báo; phát hiện các thay đổi để kịp thời có quyết định xử lý; thực hiện lưu trữ tài liệu theo quy định.

b) Kiểm tra đập

Tổ chức, cá nhân khai thác công trình phải thực hiện kiểm tra đập theo Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018.

4. Nội dung quản lý hoạt động khai thác

a) Quản lý đối tượng tham gia đánh bắt thủy sản bằng cách tổ chức thống kê danh sách đối tượng tham gia đánh bắt và ký cam kết các nội dung không làm hủy diệt, cạn kiệt nguồn lợi thủy sản để làm cơ sở kiểm tra giám sát, xử lý vi phạm.

b) Tổ chức tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức của người tham gia đánh bắt thủy sản hiểu rõ trách nhiệm không làm hủy diệt, cạn kiệt tài nguyên thủy sinh trong vùng hồ, thu hút họ tham gia các hoạt động bảo vệ phát triển nguồn lợi thủy sản phục vụ mưu sinh bền vững của cộng đồng.

c) Phối hợp với các địa phương hướng dẫn tập huấn kỹ thuật nuôi trồng, khai thác thủy sản; kiểm tra thực hiện chính sách kế hoạch về thủy sản vùng hồ chứa nước.

d) Các hoạt động thăm dò nghiên cứu đầu tư khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, mở dịch vụ du lịch, giải trí, vận tải thủy trong vùng lòng hồ chỉ được tiến hành khi có dự án đầu tư, tổ chức, cá nhân khai thác, các Sở, ngành chuyên môn tham gia đồng tình và có giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Đất, mặt nước trong phạm vi bảo vệ đập và phạm vi bảo vệ các công trình liên quan của các đập do Nhà nước hoặc doanh nghiệp đầu tư xây dựng

thuộc quỹ đất công, giao cho tổ chức, cá nhân khai thác quản lý bảo vệ theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác liên quan.

e) Sử dụng đất phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất được cấp thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến chế độ điều tiết nước phục vụ mục đích chính là thủy lợi, kết hợp với mục đích sản xuất nông, lâm nghiệp; cấp nước sinh hoạt, phòng chống cháy rừng phải tính toán ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất, phát triển kinh tế địa phương, tuân thủ các quy định về kỹ thuật của ngành, lĩnh vực liên quan và các quy định về bảo vệ cảnh quan, môi trường.

Điều 10. Nguồn kinh phí cho quản lý và khai thác công trình

Nguồn kinh phí để quản lý vận hành và bảo vệ hệ thống công trình đập, hồ chứa đầu tư từ nguồn ngân sách, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp theo định mức và chế độ quy định từ nguồn ngân sách và nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Theo Điều 18 Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nội dung chi cụ thể từng trường hợp theo dự toán chi tiết được duyệt.

Điều 11. Trách nhiệm chung của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc quản lý, khai thác bảo đảm an toàn đập, hồ chứa

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiến nghị và đề xuất các biện pháp giải quyết đối với từng trường hợp vượt thẩm quyền, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Giải quyết những vấn đề liên quan đến bảo đảm an toàn đập, hồ chứa theo thẩm quyền và thông báo kết quả cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc khai thác sản xuất, dịch vụ trong công trình đập hồ chứa có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quản lý công trình đập hồ chứa, nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác và an toàn công trình.

4. Các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình đập hồ chứa thực hiện nhiệm vụ và được bảo đảm quyền hạn theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh An Giang.

5. Khi nhận được thông tin, đề nghị hỗ trợ xử lý khẩn cấp, các đơn vị liên quan tổ chức lực lượng chuyên ngành hoặc cơ quan bảo vệ pháp luật phối hợp triển khai ngay các giải pháp ngăn chặn các hành vi, các hiện tượng gây mất an toàn công trình.

6. Thực hiện chế độ thông tin thường xuyên hoặc đột xuất về quản lý khai thác bảo đảm an toàn đập, hồ chứa để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC QUẢN LÝ KHAI THÁC

Điều 12. Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc quản lý khai thác bảo đảm an toàn đập, hồ chứa

1. Trách nhiệm Chủ sở hữu đập và mối liên hệ phối hợp của các tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, khai thác và xử lý các vấn đề ảnh hưởng đến an toàn đập hồ chứa.

a) Trong quá trình triển khai thực hiện nội dung quản lý, khai thác tại Điều 9 Quy chế này và khi phát hiện các hoạt động hoặc các hiện tượng ảnh hưởng đến an toàn công trình thì tổ chức, cá nhân được giao quản lý công trình đập hồ chứa phối hợp với các đơn vị có liên quan bằng văn bản chính thức; trong trường hợp cần ngăn chặn, xử lý kịp thời những hành vi, hiện tượng ảnh hưởng đến công trình thì thông tin trước và sau đó bổ sung văn bản.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành về an toàn đối với đập hồ thủy lợi, là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh An Giang, có trách nhiệm:

- Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, xử lý các tồn tại và theo dõi quản lý về an toàn đập hồ thủy lợi theo quy định này và các quy định khác của pháp luật; Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ban, ngành có liên quan kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và kiểm tra công tác nghiệm thu bàn giao các hồ thủy lợi trước khi bàn giao đưa vào vào sử dụng.

- Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng, giám định nguyên nhân sự cố đối với các đập, hồ chứa.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị quản lý, các cơ quan liên quan công tác phòng, chống thiên tai tổ chức kiểm tra đánh giá thiệt hại và chỉ đạo công tác khắc phục thiệt hại ở vùng hạ du do sự cố liên quan đến đập hồ chứa.

- Hướng dẫn, chỉ đạo công tác lập phương án khai thác tổng hợp hồ chứa nhằm nâng cao hiệu quả quản lý khai thác tài nguyên đất, mặt nước lòng hồ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và các dịch vụ khác.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác quản lý khai thác và bảo vệ công trình đập hồ chứa.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, mặt nước các vùng lòng hồ đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, thành phố xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất mặt nước vùng bảo vệ hồ chi tiết đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc sử dụng đất, mặt nước các vùng bảo vệ hồ chứa thuộc sở hữu cộng đồng theo quy hoạch, kế hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt và công tác cắm mốc giới hành lang bảo vệ hồ, đập.

- Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra xử lý các vấn đề của hồ chứa liên quan đến môi trường sinh thái, mất cân bằng nước và các tai biến về môi trường.

d) Sở Xây dựng: Tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình đập, hồ chứa về sự tuân thủ quy định pháp luật về quản lý chất lượng xây dựng; thực hiện công tác giám định chất lượng, giám định sự cố công trình hồ đập khi được yêu cầu.

đ) Sở Giao thông Vận tải: Chủ trì hướng dẫn kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành pháp luật giao thông trong vùng lòng hồ, tổ chức tập huấn nâng cao năng lực sử dụng phương tiện và người lái trong hoạt động giao thông thủy theo quy định pháp luật, tham gia góp ý kiến thẩm tra các dự án đầu tư mở dịch vụ vận tải thủy trong vùng lòng hồ phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

e) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, đề xuất và thẩm định các dự án đầu tư dịch vụ vui chơi giải trí, du lịch sinh thái khai thác tiềm năng các hồ chứa.

g) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về sử dụng lao động và công tác an toàn lao động, an toàn cháy nổ trong quá trình xây dựng và khai thác sử dụng đập hồ chứa; tham gia các đoàn kiểm tra về thiệt hại do hồ chứa và thực hiện các biện pháp cứu trợ, bảo trợ xã hội.

h) Sở Tài chính: Chủ trì hướng dẫn việc thanh quyết toán kinh phí trong việc quản lý khai thác bảo đảm an toàn đập, hồ chứa theo quy định của pháp luật hiện hành.

i) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh liên quan đảm bảo đủ điều kiện về vật chất và nhân lực cho hoạt động quản lý, khai thác công trình đập hồ chứa đạt hiệu quả.

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, mặt nước chi tiết và khai thác tiềm năng hồ chứa trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và Phòng, ban cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và các pháp luật liên quan đảm bảo an ninh trật tự, an toàn khu vực hồ chứa và khai thác hiệu quả hồ chứa.

k) Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc vùng hồ chứa có trách nhiệm:

- Triển khai kế hoạch trung cầu ý dân tham gia vào phương án quy hoạch, kế hoạch, phương án sử dụng đất, mặt nước hồ chứa và thực hiện công khai hóa theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch, phương án sử dụng đất, mặt nước hồ chứa theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ hồ, đập đã được bàn giao. Phối hợp với các ngành liên quan trong quản lý đất đai, mặt nước, phương tiện hoạt động và an ninh trật tự trong vùng bảo vệ hồ trên địa bàn xã và liên xã.

- Phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra các thủ tục, năng lực đủ điều kiện hoạt động của tổ chức cá nhân trước khi triển khai hoạt động.

- Thực hiện quyền giám sát, phát hiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong vùng lòng hồ chứa.

l) Đơn vị, tổ chức được phân cấp quản lý:

- Thực hiện đúng công tác quản lý khai thác vận hành công trình phục vụ cho mục tiêu chính được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi xâm hại công trình gây mất an toàn đập.

- Tham gia công tác đánh giá khắc phục thiệt hại do thiên tai vùng hạ du đập do sự cố đập.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch, Phương án sử dụng đất, mặt nước, dự án đầu tư trong khu vực hồ chứa.

- Chủ trì huy động nhân lực vật lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ đập và ứng phó với các tình huống thiên tai; thường xuyên kiểm tra phát hiện sự cố hư hỏng đập và các công trình có liên quan để chủ động duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên hoặc báo cáo cấp trên giúp đỡ khi cần thiết.

m) Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khai thác hồ có trách nhiệm:

- Chấp hành tốt các quy định, cam kết, hợp đồng về nuôi trồng đánh bắt thủy sản.

- Thực hiện tốt các quy trình kỹ thuật trong nuôi trồng, khai thác thủy sản.

- Tích cực tham gia ý kiến với cơ quan Nhà nước và trong cộng đồng tìm biện pháp nâng cao hiệu quả phương án sử dụng mặt nước hồ chứa. Quá trình khai thác đánh bắt có dấu hiệu suy giảm tài nguyên thủy sản trong hồ thì chính quyền địa phương họp các đối tượng tham gia khai thác tài nguyên mặt nước hồ chứa bàn bổ sung các cam kết và biện pháp phục hồi, tái tạo, phát triển nguồn lợi thủy sản như hạn chế số lượng đánh bắt, hạn chế sử dụng ngư cụ, phương tiện đánh bắt hiện đại hoặc vận động cộng đồng tham gia đóng góp tự nguyện để mua giống thủy sản thả vào hồ chứa nước.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học, đánh giá xác định tiềm năng thủy sản hồ chứa để định hướng khai thác hợp lý và đầu tư phát triển nguồn lợi thủy sản các hồ chứa nước.

2. Đối với công tác duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình đập hồ chứa tổ chức quản lý công trình phối hợp với các cơ quan:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép kế hoạch sử dụng đất các đập của hồ chứa nước vào kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

b) Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra kế hoạch sử dụng đất các đập của hồ chứa nước; công tác phân bổ nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước và môi trường; công tác cấm mốc giới hành lang bảo vệ đập của hồ chứa nước; đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định; xử lý các tai biến về địa chất và môi trường (nếu có).

c) Chi cục Thủy lợi trong việc lập kế hoạch, kinh phí quản lý, khai thác và duy tu bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ công trình. Đồng thời trình cơ quan chủ quản phê duyệt.

d) Đơn vị tư vấn có chuyên môn đo đạc, kiểm tra chi tiết, chính xác các hiện tượng có thể ảnh hưởng an toàn công trình, đồng thời báo cáo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện (có công trình trên địa bàn).

đ) Các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, nghiệm thu duy tu bảo dưỡng và sửa chữa công trình đúng quy định hiện hành.

e) Riêng công tác sửa chữa lớn công trình đập hồ chứa phải xin chủ trương Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đối với những hoạt động của con người, tác động dòng chảy và các yếu tố khác gây ảnh hưởng đến công trình; tổ chức, cá nhân quản lý công trình phối hợp với các cơ quan:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chi cục Thủy lợi kiểm tra ngăn chặn các hoạt động có phép trong phạm vi công trình, nhưng đã hoặc có thể gây ảnh hưởng an toàn công trình, ô nhiễm môi trường.

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố và Thanh tra giao thông, kiểm tra ngăn chặn các hoạt động khai thác dịch vụ vui chơi giải trí, du lịch sinh thái trong phạm vi, hoặc có ảnh hưởng công trình đập hồ chứa.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc phát hiện, ngăn chặn các hành vi bị nghiêm cấm tại Điều 14 của Quy chế này.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi phát hiện tác động dòng chảy hoặc các yếu tố khác gây ảnh hưởng đến công trình.

Điều 13. Cấp phép hoạt động đối với các hoạt động liên quan đến công trình

Trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, các hoạt động chỉ được tiến hành khi có giấy phép được quy định tại Khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều, Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012, Luật Đất đai ngày 29/11/2013, Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018, Điều 13 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.

1. Trình tự, thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo Điều 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.

2. Các đơn vị được phân cấp quản lý cần rà soát, kiểm tra các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Nếu chưa có giấy phép phải tiến hành cho đăng ký bổ sung, đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn đối với từng loại công trình.

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo Điều 22, 23, 24, 25, 26 và 27 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.

3. Tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh có xả nước thải vào công trình thủy lợi phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Việc cấp phép xả nước thải vào nguồn nước phải căn cứ vào khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước ở công trình đó, bảo đảm không gây ô nhiễm nguồn nước và việc bảo vệ tài nguyên nước.

Điều 14. Các hành vi nghiêm cấm

Các hành vi nghiêm cấm được quy định tại Điều 7 Luật Đê điều; Điều 6 Nghị định 43/2015/NĐ-CP; Điều 8 Luật Thủy lợi; Điều 21 Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang và các hoạt động sau đây trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bị nghiêm cấm:

1. Đầu tư xây dựng đập tạo hồ chứa nước trái với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trái với các quy định pháp luật về xây dựng công trình, làm tăng nguy cơ mất an toàn cho khu vực hạ du.

2. Khai thác thủy sản có tính chất hủy diệt gồm khai thác các loài thuộc danh mục cấm, khai thác thủy sản chưa trưởng thành nhỏ hơn kích cỡ quy định, khai thác thủy sản ở khu vực cấm, khu vực đang trong thời gian cấm sử dụng ngư cụ bị cấm khác, sử dụng loại nghề bị cấm để khai thác thủy sản, vứt bỏ ngư cụ xuống vùng nước lòng hồ, sử dụng các loại chất nổ, chất độc, xung điện và các phương pháp có tính hủy diệt khác.

3. Nuôi trồng giống thủy sản trong hồ chứa khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép và các loài thủy sản thuộc danh mục cấm nuôi trồng. Nuôi trồng thủy sản không theo quy hoạch, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của các ngành, nghề khác.

4. Lợi dụng địa hình đồi núi cư trú và tổ chức các hoạt động bất hợp pháp trong vùng lòng hồ;

5. Vận hành điều tiết nước hồ không đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

6. Khai thác trái phép khoáng sản, vật liệu xây dựng trong khu vực vùng hồ, phá hoại cảnh quan thiên nhiên.

7. Đưa phương tiện không đủ điều kiện an toàn vào hoạt động trong vùng lòng hồ, Sử dụng phương tiện giao thông cơ giới quá tải qua công trình gây mất an toàn trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, trừ xe kiểm tra đê, xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, cứu thương, cứu hỏa.

8. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây phiền hà, sách nhiễu khi thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với công tác quản lý các hoạt động liên quan đến đập, hồ chứa nước.

9. Các hành vi bị cấm trong phạm vi bảo vệ đập và công trình liên quan của đập theo quy định pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân chấp hành thực hiện tốt quy chế này, phát hiện và kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm sẽ được biểu dương, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

2. Xử lý vi phạm

a) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

b) Hoạt động của các tổ chức, cá nhân gây tổn hại đến tài nguyên và môi trường, công trình và tài sản của nhà nước, các tổ chức, cá nhân khác do không thực hiện đúng quy chế này sẽ phải bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về quản lý, khai thác công trình đập hồ chứa; không ngăn chặn, xử lý kịp thời các hoạt động và hiện tượng gây hư hỏng công trình nghiêm trọng đều bị xử lý theo quy định pháp luật, bị xử lý vi phạm về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các quy định pháp luật khác.

Điều 16. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Thông tin, báo cáo định kỳ

a) Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình đập hồ chứa báo cáo định kỳ tháng, quý, năm về tình hình thực hiện cho phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Kinh tế các huyện, thị, thành và Chi cục Thủy lợi theo quy định hiện hành. Trong báo cáo nêu đầy đủ nội dung quản lý tại Điều 11 Quy chế này và các vấn đề xử lý vi phạm, có nhận xét đánh giá đề xuất, kiến nghị.

b) Chi cục Thủy lợi tổng hợp chung, tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ theo quy định hiện hành.

2. Thông tin, báo cáo đột xuất

a) Khi phát hiện các hoạt động, hành vi và hiện tượng có thể ảnh hưởng đến an toàn công trình, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình đập hồ chứa kịp thời thông tin, báo cáo cho các đơn vị có liên quan và cơ quan chủ quản để sớm xử lý, khắc phục tránh ảnh hưởng đến công trình.

b) Trường hợp các hoạt động, hành vi và hiện tượng xảy ra nghiêm trọng, hoặc các cơ quan chuyên môn địa phương xử lý không được, hoặc việc phối hợp xử lý chưa đạt yêu cầu, thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết.

Điều 17. Tuyên truyền và hướng dẫn thực hiện Quy chế

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, các ngành, cấp có liên quan thực hiện Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tuyên truyền giáo dục trong cộng đồng cùng triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

Điều 18. Điều Khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc quản lý sử dụng, vận hành công trình đập hồ chứa, báo cáo bằng văn bản và đề xuất bổ sung, sửa đổi gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Thư